

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 599 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nạo vét vật liệu bồi lắng hồ chứa nước Suối Dầu” tại xã Suối Cát
và Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm
2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn
thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi
trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường
do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-
BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019.*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định
số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi
trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động
môi trường của dự án “Nạo vét vật liệu bồi lắng hồ chứa nước Suối Dầu” tại xã*



Suối Cát và Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa họp ngày 02 tháng 02 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nạo vét vật liệu bồi lắng hồ chứa nước Suối Dầu” tại xã Suối Cát và Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 26/CT-QLNCT ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số85...../TTr-STNMT-CCBVMT ngày 03 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nạo vét vật liệu bồi lắng hồ chứa nước Suối Dầu” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Suối Cát và Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:


1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại UBND xã Suối Cát và xã Suối Tân.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận: (VBĐT)

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND xã Suối Cát và Suối Tân;
- Lưu: VP+TL, HB. 

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “NẠO VÉT VẬT LIỆU BỒI LẮNG HỒ CHỨA NƯỚC SUỐI DẦU” TẠI XÃ SUỐI CÁT VÀ SUỐI TÂN, HUYỆN CAM LÂM, TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... tháng 3 năm 2021

của UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Nạo vét vật liệu bồi lắng hồ chứa nước Suối Dầu
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Suối Cát và xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Chủ dự án: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Khánh Hòa

- Địa chỉ: Số 9A Tô Vĩnh Diện, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Quy mô của dự án:

- + Diện tích khu vực nạo vét: Bãi bồi 1 là 11,01ha, Bãi bồi 2 là 16,85ha và Bãi bồi 3 là 20,1ha. Bề dày tầng vật liệu bồi lấp (cát, sỏi) trung bình 1m.

- + Tổng khối lượng cần nạo vét cho 03 bãi bồi: 501.280 m³

- + Công suất nạo vét 250.640 m³cát sỏi/năm. Thời gian nạo vét là: 22 tháng.

- Các hạng mục công trình chính:

a. Nhà văn phòng:

Do tổng thời gian thực hiện nạo vét lòng hồ trong vòng 02 năm nên nhà văn phòng tại khu vực dự án là nhà Container di động tiện cho việc sinh hoạt cá nhân tắm rửa và vệ sinh.

b. Sàng tuyển rửa cát sỏi:

- Lưới sàng lỗ vuông: Máy bơm từ Sà lan và Tàu hút bơm vật liệu nạo vét qua 02 Lưới sàng lỗ vuông. Nhiệm vụ loại bỏ rác, đất, đá, cát lớn cỡ hạt >2 mm và loại bỏ vật liệu nhỏ hơn kích thước hạt cát là sét bột, bùn,...

- Máy bơm vật liệu nạo vét: Nhiệm vụ chính hút vật liệu từ Sà lan lên bãi chứa vật liệu nạo vét 01 và bãi chứa vật liệu nạo vét 02.

c. Vận tải trong hồ

- Vận tải trên hồ: Trong quá trình nạo vét trên hồ các Tàu hoạt động theo đúng nguyên tắc và thứ tự ra vào đảm bảo an toàn giao thông đường thủy trên hồ.

- Vận tải trên bờ: Mỗi khi phương tiện vào lấy nguyên vật liệu nạo vét phải được bảo vệ cho ra vào theo đúng lộ trình nhất định để vào vị trí. Sau khi các phương tiện vận chuyển ra khỏi hồ, người quản lý có biện pháp nhắc nhở các chủ phương tiện đi đúng phần đường khi ra khỏi khu vực hồ.

d. Bãi tập kết vật liệu nạo vét

Toàn bộ đất cát được đổ vào bãi chứa 01 phía Đông Nam hồ là bãi đất trống có diện tích khoảng 2ha và bãi chứa 02 là bãi đất trống có diện tích 1,3ha phía Tây Nam, cả hai vị trí có địa hình cao hơn so với mặt nước đỉnh hồ.

e. Hồ xử lý nước rỉ:

- Tiến hành đào bể chứa vật liệu nạo vét và 3 hồ lắng bùn tại bãi chứa 01 có kích thước: Bể chứa vật liệu là 600m³, Bể lắng 1 là 225m³, Bể lắng 2 là 225m³, Bể lắng 3 có lót bạt là 225m³, các bể có tác dụng lắng lọc nước rỉ ra từ vật liệu nạo vét sau đó tuần hoàn nước chảy lại vào hồ Suối Dầu.

- Tiến hành đào bể chứa vật liệu nạo vét và 3 hồ lắng bùn tại bãi chứa 02 có kích thước: Bể chứa vật liệu là 600m³, Bể lắng 1 là 225m³, Bể lắng 2 là 225m³, Bể lắng 3 có lót bạt là 225m³, các bể có tác dụng lắng lọc nước rỉ ra từ vật liệu nạo vét sau đó tuần hoàn nước chảy lại vào hồ Suối Dầu.

f. Rãnh thoát nước mưa:

- Hệ thống rãnh thoát nước mưa tại khu vực bãi chứa vật liệu nạo vét 01 là các mương hở ven đường ranh giới của bãi chứa 01, có chiều dài khoảng 530m, sâu 1,5 mét.

- Hệ thống rãnh thoát nước mưa tại khu vực bãi chứa vật liệu nạo vét 02 là các mương hở ven đường ranh giới của bãi chứa 02, có chiều dài khoảng 500m, sâu 1,5 mét.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Các tác động môi trường chính của dự án chủ yếu bụi, khí thải, chất thải rắn, tiếng ồn, nước mưa chảy tràn, nước thải trong quá trình thi công, chất thải rắn do phát quang bụi rậm cây cối, chất thải rắn trong quá trình nạo vét,...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt trong quá trình thi công khoảng 2,3 m³/ngày. Thành phần trong nước thải sinh hoạt chủ yếu BOD₅, SS và dầu mỡ, các hàm lượng như tổng N, tổng P.

- Tại khu vực bãi chứa vật liệu 01 sẽ sinh ra 147m^3 nước rỉ vật liệu trong 1 ngày và tại khu vực bãi chứa vật liệu 02 sẽ sinh ra 186m^3 nước rỉ vật liệu trong 1 ngày. Tổng lượng nước rỉ vật liệu khoảng $333\text{ m}^3/\text{ngày}$.

2.3. Quy mô, tính chất thải rắn, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Tổng lượng rác sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công xây dựng dự án là khoảng $18,4\text{ kg}/\text{ngày}$.

b) Chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại trong giai đoạn xây dựng bao gồm giẻ lau có dính dầu mỡ, cặn xăng dầu hoặc hóa chất được sử dụng để lau chùi máy móc thiết bị. Lượng dầu nhớt thải tối đa là $50-70\text{ l}/\text{tháng}$.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

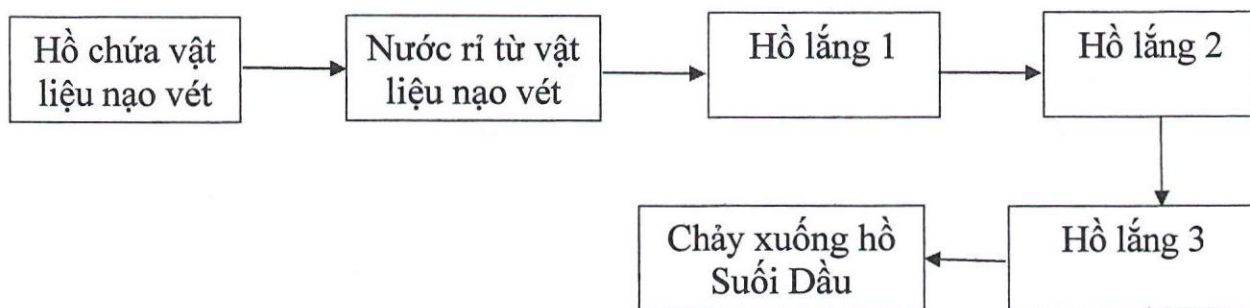
3.1.1. Giảm thiểu tác động từ hoạt động nạo vét

- Hoạt động nạo vét được thi công trong 22 tháng. Sử dụng lưới chắn bùn bao quanh khu vực bãi bồi 1, bãi bồi 2 và bãi bồi 3 khi thực hiện nạo vét nhằm giảm thiểu vật liệu lơ lửng phát tán ra môi trường xung quanh gây đục nước ở hạ lưu (chỉ sử dụng nếu trong quá trình nạo vét gây đục nước cho việc cung cấp nước sạch cho Khu công nghiệp Suối Dầu, Viện Vắc xin và Sinh phẩm Y tế và Công Ty Cổ Phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu...)

- Sử dụng thiết bị nạo vét đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật được đăng kiểm định kỳ theo quy định. Tiến hành nạo vét theo thiết kế đã phê duyệt về chiều sâu từ $0,8 - 1,2\text{m}$, hướng nạo vét từ hạ nguồn lên thượng nguồn, thi công theo hình thức cuốn chiếu thi công hết luống này mới di chuyển Xáng cạp và máy múc đến vị trí tiếp theo.

- Bãi đổ thải nguyên vật liệu nạo vét được quây chặn đảm bảo không rò rỉ vật liệu nạo vét xuống hồ. Bố trí công nhân thường xuyên dọn dẹp công trường sạch sẽ theo phương châm làm đến đâu gọn đến đấy, phòng khi có mưa lớn cuốn trôi các chất rơi vãi trên mặt bằng xuống hồ.

- Vật liệu nạo vét được tập kết trên bãi chứa vật liệu 01 và bãi chứa vật liệu 02 sau đó dẫn nước rỉ bùn lắng qua 3 hồ lắng như sơ đồ sau:



Thông kê kích thước các bể lắng

Stt	Tên bể	Kích thước	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
Bể lắng tại bãi chứa vật liệu 1					
1	Bể chứa vật liệu nạo vét	20 x 20 x 1,5	m ³	01	Chứa vật liệu nạo vét để lắng nước rỉ
2	Bể lắng 1	10 x 15 x 1,5	m ³	01	Lắng lắng bùn hạt thô
3	Bể lắng 2	10 x 15 x 1,5	m ³	01	Lắng bùn hạt mịn
4	Bể lắng 3	10 x 15 x 1,5	m ³	01	Lắng lọc than hoạt tính
Bể lắng tại bãi chứa vật liệu 2					
1	Bể chứa vật liệu nạo vét	20 x 20 x 1,5	m ³	01	Chứa vật liệu nạo vét để lắng nước rỉ.
2	Bể lắng 1	10 x 15 x 1,5	m ³	01	Lắng lắng bùn hạt thô
3	Bể lắng 2	10 x 15 x 1,5	m ³	01	Lắng bùn hạt mịn
4	Bể lắng 3	10 x 15 x 1,5	m ³	01	Lắng lọc than hoạt tính

Lưu lượng xử lý nước qua các bể lắng

Stt	Tên bể	Kích thước (m)	Lưu lượng (m ³)	Thời gian lưu (giờ)	Lưu lượng đầu ra (m ³ /h)
Bể lắng tại bãi chứa vật liệu 1					
1	Bể chứa vật liệu nạo vét	20 x 20 x 1,5	600m ³	2h	170 m ³ /2h
2	Bể lắng 1	10 x 15 x 1,5	225m ³	2h	64 m ³ /2h
3	Bể lắng 2	10 x 15 x 1,5	225m ³	2h	64 m ³ /2h

Stt	Tên bể	Kích thước (m)	Lưu lượng (m ³)	Thời gian lưu (giờ)	Lưu lượng đầu ra(m ³ /h)
4	Bể lắng 3	10 x 15 x 1,5	225m ³	2h	64 m ³ /2h
Bể lắng tại bãi chứa vật liệu 2					
1	Bể chứa vật liệu nạo vét	20 x 20 x 1,5	600m ³	2h	170 m ³ /2h
2	Bể lắng 1	10 x15 x 1,5	225m ³	2h	64 m ³ /2h
3	Bể lắng 2	10 x 15 x 1,5	225m ³	2h	64 m ³ /2h
4	Bể lắng 3	10 x 15 x 1,5	225m ³	2h	64 m ³ /2h

3.1.2. Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của công nhân có lưu lượng không lớn, Đơn vị quản lý hồ sẽ yêu cầu đơn vị thi công nạo vét lắp đặt các nhà vệ sinh lưu động tại bãi chứa vật liệu 01 và bãi chứa vật liệu 02 của dự án.

3.1.3. Nước thải từ quá trình thi công xây dựng

- Các kho chứa và bảo quản xăng, dầu và các vật liệu độc hại sẽ được bố trí xa nguồn nước tại bãi chứa vật liệu 01 và bãi chứa vật liệu 02. Tổ chức quản lý, ngăn chặn sự cố rò rỉ xăng, dầu, vật liệu độc hại xuống hồ.

- Không đổ chất thải rắn (chất thải xây dựng, cát, đá...) và chất thải dầu cặn của máy móc, thiết bị xuống dòng chảy hồ, mọi loại chất thải phải được thu gom, phân loại và chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định.

3.1.4. Kiểm soát nước mưa chảy tràn

- Đào các rãnh thoát nước mưa tạm thời để ngăn chặn lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi chứa vật liệu 01 và bãi chứa vật liệu 02 mang theo dầu mỡ, các rác thải của công trường ra xung quanh dự án.

- Không tập trung các nguyên vật liệu gần cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rò rỉ vào đường thoát nước mưa chảy tràn.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xâm nhập vào đường thoát nước tạm gây tắc nghẽn.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giảm thiểu tác động đối với các phương tiện, máy móc, thiết bị thi công

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới được kiểm định tại Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường định kỳ 6 tháng/lần;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt trước khi vận hành;

- Tuyển các công nhân vận hành máy móc có kinh nghiệm và được tập huấn về an toàn lao động cũng như các biện pháp bảo vệ môi trường.

3.2.2. Không chế và giảm thiểu tác động do hoạt động vận chuyên, tập kết nguyên vật liệu

- Các phương tiện đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ tránh vương vãi đất ra đường đi Hòn Bà và đường dân sinh xã Suối Tân;

- Sử dụng bạt lớn để che phủ các xe chở nguyên vật liệu trong quá trình vận chuyên đường đi Hòn Bà và đường dân sinh xã Suối Tân đi Quốc lộ 1A;

- Sử dụng nước tưới vào mùa khô tại khu vực có nhiều bụi tần suất 4 lần/ngày. Đối với các vật liệu gây ô nhiễm cao (cát xây dựng), áp dụng phương pháp bốc dỡ ướt nhằm hạn chế tác động tới môi trường;

- Các tài xế vận chuyên nguyên vật liệu nạo vét có chế tài nếu xảy ra các vi phạm phóng nhanh vượt ẩu, chở quá tải... và các vi phạm an toàn giao thông.

- Lập biển báo công trường xây dựng tại cổng ra vào đường đi Hòn Bà và đường dân sinh xã Suối Tân nhằm phòng tránh tai nạn giao thông.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

- Tất cả rác sinh hoạt từ khu vực nhà tạm cho công nhân được thu gom và tập trung vào các thùng chứa có dung tích 120 lít. Chủ đầu tư sẽ tiến hành hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý tần suất 01 ngày/lần. Vị trí đặt thùng rác thải sinh hoạt tại nhà văn phòng Container tại bãi chứa vật liệu 01 và nhà văn phòng Container bãi chứa vật liệu 02.

- Ưu tiên sử dụng công nhân xây dựng tại địa phương nhằm hạn chế bớt những tác động đến môi trường.

- Yêu cầu các công nhân không xả rác bừa bãi sau các bữa ăn.

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh sạch sẽ tại khu lán trại, không để rác thải rơi vãi, phát tán ra khu vực xung quanh.

- Tuyên truyền, nhắc nhở công nhân bỏ rác đúng nơi quy định, đặc biệt không vứt rác bừa bãi xuống hồ.

3.3.2. Chất thải rắn xây dựng

- Tất cả các chất thải xây dựng sẽ được thu gom và lưu chứa tại bãi chứa vật liệu 01 phía Đông Nam và bãi chứa vật liệu 02 phía Tây Nam sau đó tận dụng bán cho các hộ trồng cây, sử dụng cho công tác san lấp mặt bằng, các cảnh cây làm củi đốt.

- Tại khu vực thi công, sau khi kết thúc công việc mỗi ngày, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu xây dựng bố trí 1-2 công nhân vệ sinh tại mỗi bãi sẽ chịu trách nhiệm thu gom, phân loại các loại rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và chất thải xây dựng (không chứa chất thải nguy hại). Vị trí tại khu vực bãi chứa vật liệu nạo vét 01 và bãi chứa vật liệu nạo vét 02.

- Việc phân loại, lưu giữ và xử lý chất thải rắn xây dựng sẽ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/5/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Thu gom 100% giẻ lau dính dầu mỡ vào các thùng chứa có nắp đậy đặt trong nhà kho.

- Trang bị 1 – 2 thùng chứa dầu mỡ loại 100 - 200 lít đặt tại nhà container để thu gom toàn bộ khối lượng chất thải nguy hại phát sinh sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Chỉ vận chuyển vào ban ngày (từ 7 giờ sáng đến 05 giờ chiều); đồng thời không tiến hành vận chuyển vào các giờ cao điểm giờ đến trường và tan trường của học sinh.

- Trang bị đầy đủ nút bịt tai chống ồn và găng tay chống rung cho các công nhân trực tiếp vận hành máy móc thi công để hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe.

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy móc. Định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn các ô trục để hạn chế phát sinh tiếng ồn lớn.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công để hạn chế việc tập trung nhiều máy móc thiết bị hoạt động đồng thời gây tác động cộng hưởng từ nhiều nguồn gây ồn.

- Kiểm soát mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn và rung động bằng cách tổ chức giám sát môi trường định kỳ 3 tháng/ lần để có điều chỉnh kịp thời các biện pháp giảm thiểu.

3.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố sụt lún, trượt lở bờ hồ:

- Công ty tiến hành nạo vét theo hình thức cuốn chiếu làm từng phần sau đó theo dõi diễn biến đường bờ sau đó tiếp tục nạo vét hết chiều sâu cấp phép nếu không có sự cố xảy ra. Quá trình nạo vét được tiến hành từ hạ nguồn lên thượng nguồn.

- Đảm bảo giới hạn chiều sâu nạo vét không quá 1,2 m. Không nạo vét tại các khu vực hiện đang bị trượt lở.

- Tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ hành lang đường bờ đối với các công trình, kiến trúc dọc theo hai bờ hồ và trên hồ.

- Khu vực nạo vét sau khi đã được khoanh định và cấp phép cần phải định giới rõ ràng như: đánh dấu trên bờ bằng các hệ thống cột mốc và trên mặt nước bằng các phao sơn màu. Các hệ thống cột mốc phải có dấu mực nước chuẩn và cách vách bờ hồ ở khoảng thích hợp để có cơ sở đánh giá mức độ xói lở bờ hồ.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường:

3.6.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được lựa chọn thực hiện

- Di dời các trang thiết bị máy móc phục vụ nạo vét ra khỏi khu vực dự án.

- Khu vực làm đường tạm vận chuyển nguyên vật liệu nạo vét trong phạm vi hồ chứa nước Suối Dầu sẽ tiến hành san gạt bằng phẳng trả lại địa hình hiện trạng ban đầu.

- Bể xử lý nước rỉ từ vật liệu nạo vét sẽ được san lấp bằng phẳng trả lại địa hình hiện trạng ban đầu.

- San gạt bằng phẳng bể chứa vật liệu nạo vét sẽ được san lấp bằng phẳng trả lại địa hình hiện trạng ban đầu.

3.6.2. Khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

- Di dời toàn bộ thiết bị thi công ra khỏi khu vực dự án bao gồm: 03 Máy xúc đào 1,2 m³, 02 Máy ủi 110 Cv, 03 Xáng cạp 1,25m³, 03 Sà lan 400T, 06 Xe tải-7,0 Tấn, 03 Tàu kéo 360CV, 02 nhà Container nặng 7 tấn. Xe 7 tấn là các phương tiện tự có khả năng di chuyển dễ dàng di dời khỏi khu vực dự án theo đường bộ. Tổng trọng lượng toàn bộ 175 tấn.

- Khu vực làm đường tạm vận chuyển nguyên vật liệu nạo vét trong phạm vi

hồ chứa nước Suối Dầu sẽ tiến hành san gạt bằng phẳng trả lại địa hình hiện trạng ban đầu. Tổng khối lượng 150 m³

+ Tại bãi chứa vật liệu nạo vét 1: Chiều dài tuyến đường 50m, đường rộng 5m, độ sâu san gạt 0,2m.

+ Tại bãi chứa vật liệu nạo vét 2: Chiều dài tuyến đường 100m, đường rộng 5m, độ sâu san gạt 0,2m.

- Bể xử lý nước rỉ từ vật liệu nạo vét sẽ được san lấp bằng phẳng trả lại địa hình hiện trạng ban đầu. Tổng khối lượng 1.350 m³

+ Tại bãi chứa vật liệu nạo vét 1: diện tích thực hiện là 450m² có độ sâu 1,5 m.

+ Tại bãi chứa vật liệu nạo vét 2: diện tích thực hiện là 450m² có độ sâu 1,5 m.

- San gạt bằng phẳng bể chứa vật liệu nạo vét sẽ được san lấp bằng phẳng trả lại địa hình hiện trạng ban đầu. Tổng khối lượng 1.200 m³

+ Tại bãi chứa vật liệu nạo vét 1: diện tích thực hiện là 400m² có độ sâu 1,5 m.

+ Tại bãi chứa vật liệu nạo vét 2: diện tích thực hiện là 400m² có độ sâu 1,5 m.

3.6.3. Kế hoạch thực hiện

Tổng thời gian cải tạo, phục hồi môi trường dự kiến của dự án là 01 tháng sau khi kết thúc nạo vét. Chủ dự án sẽ tiến hành cải tạo môi trường theo nguyên tắc thực hiện phục hồi môi trường sau khi kết thúc nạo vét. Tiến độ, nội dung cụ thể từng giai đoạn thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường của dự án như sau:

- San lấp bằng phẳng trả lại địa hình hiện trạng ban đầu có diện tích thực hiện là 900 m² tại 02 khu vực xử lý nước rỉ từ vật liệu nạo vét là 3 hồ lắng sau khi kết thúc nạo vét.

- San gạt bằng phẳng trả lại địa hình hiện trạng ban đầu khu vực làm đường tạm vận chuyển nguyên vật liệu nạo vét trong phạm vi hồ chứa nước Suối Dầu. Chiều dài tuyến đường tại 2 khu là 150 m sau khi kết thúc nạo vét.

- San gạt bằng phẳng trả lại địa hình hiện trạng ban đầu khu vực làm bãi chứa vật liệu nạo vét. Diện tích 800 m² sau khi kết thúc nạo vét.

- Di dời toàn bộ thiết bị thi công ra khỏi khu vực dự án là các phương tiện tự có khả năng di chuyển dễ dàng di dời khỏi khu dự án theo đường bộ sau khi kết

thúc nạo vét.

- Tiến hành kiểm tra tổng thể, nghiệm thu hoàn thành công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

3.6.4. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) bằng tổng kinh phí của các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường là **327.001.243 đồng**.

- Theo quy định tại khoản 5, Điều 1 của Thông tư số 24/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành, liên tịch ban hành của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mức tiền ký quỹ bằng 100% (một trăm phần trăm) số tiền được phê duyệt, có tính yếu tố trượt giá tại thời điểm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: ký quỹ tại Quỹ bảo vệ Môi trường tỉnh Khánh Hòa – 14 Hoàng Hoa Thám, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Số Tài khoản: 601.10.000.649.379 tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Dự án thuộc trường hợp vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường (các công trình bảo vệ môi trường được trình bày tại mục 3) theo quy định tại Điều 16b Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án

Nội dung cụ thể được trình bày tại Mục 5.1. Chương 5 báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của dự án

5.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 mẫu

+ 01 mẫu tại bãi chứa vật liệu nạo vét 1 (KK1).

+ 01 mẫu tại bãi chứa vật liệu nạo vét 2 (KK2).

- Ký hiệu: KK1 và KK2.

- Thông số giám sát: Bụi, HC, NO₂, SO₂, CO, độ ồn.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: + QCVN 05:2013/BTNM: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

Giám sát chất lượng nước thải sau xử lý

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu tại vị trí hồ lắng số 3 tại bãi chứa vật liệu nạo vét 1 chảy ra hồ Suối Dầu (NT3).

+ 01 mẫu tại vị trí hồ lắng số 3 tại bãi chứa vật liệu nạo vét 2 chảy ra hồ Suối Dầu (NT4).

- Thông số chọn lọc: pH, COD, BOD₅, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, Asen, Mangan, sắt, tổng dầu mỡ, E.Coli, Coliform.

- Số mẫu: 02 điểm

- Tần số giám sát: 15 ngày/lần

- Ký hiệu: NT3 và NT4

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.2.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công nạo vét

1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 02 mẫu

+ 01 mẫu tại bãi chứa vật liệu nạo vét 1 (KK3).

+ 01 mẫu tại bãi chứa vật liệu nạo vét 2 (KK4).

- Ký hiệu: KK3 và KK4.

- Thông số giám sát: Bụi, HC, NO₂, SO₂, CO, độ ồn.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNM: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng

không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại vị trí cửa lấy nước của hồ.

- Thông số chọn lọc: pH, DO, COD, BOD₅, TSS, Amoni, Nitrit (NO²⁻), Nitrat (NO³⁻), Phosphat, Asen, Mangan, sắt, tổng dầu mỡ, Coliform, E.Coli.

- Số mẫu: 01 điểm

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (4 lần/năm).

- Ký hiệu: NM.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột A2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

3. Giám sát chất lượng nước thải sau xử lý

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu tại vị trí hồ lắng số 3 tại bãi chứa vật liệu nạo vét 1 chảy ra hồ Suối Dầu (NT1).

+ 01 mẫu tại vị trí hồ lắng số 3 tại bãi chứa vật liệu nạo vét 2 chảy ra hồ Suối Dầu (NT2).

- Thông số chọn lọc: pH, COD, BOD₅, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, Asen, Mangan, sắt, tổng dầu mỡ, E.Coli, Coliform.

- Số mẫu: 02 điểm

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần (4 lần/năm).

- Ký hiệu: NT1 và NT2

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

4. Giám sát xói lở, ngập lụt

Thường xuyên kiểm tra các khu vực có khả năng gây xói mòn mạnh. Lập sơ đồ quản lý chung các vị trí này đồng thời xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố xói mòn, sạt lở đất.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

6. Các điều kiện khác liên quan đến môi trường:

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án và các công trình lân cận. Lưu giữ, thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định quản lý chất thải và phế liệu được quy định tại Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 09/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải xây dựng.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và hoạt động của các dự án xung quanh, khu dân cư Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cam Lâm, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và gửi báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép. Khai thác theo quy định của pháp luật, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành.

- Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi



môi trường theo đúng quy định tại khoản 1, Điều 14 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

- Báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về UBND tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

- Trong quá trình triển khai Dự án, Chủ Dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

- Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường không bao gồm khối lượng nạo vét (cát, sỏi) mang ra ngoài phạm vi thực hiện dự án. Trường hợp chủ dự án mang ra ngoài phạm vi thực hiện, đề nghị chủ dự án tuân thủ các quy định liên quan đến Luật Khoáng sản và lập hồ sơ môi trường theo quy định./.